

Số: **155** /2019/TT-BQP

Hà Nội, ngày **15** tháng 10 năm 2019

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (viết tắt là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng (viết tắt là doanh nghiệp cấp I), gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là Công ty mẹ của Tổng công ty, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng đầu tư 100% vốn điều lệ (viết tắt là doanh nghiệp cấp II).

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần.

Điều 3. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp

1. Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp cấp I;

b) Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Tổng công ty (công ty) quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp cấp II.

2. Thành phần Ban Chỉ đạo

a) Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp cấp I, gồm:

Trưởng ban: Thủ trưởng Bộ Quốc phòng;

Phó Trưởng ban thường trực: Cục trưởng Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng;

Phó trưởng ban: Thủ trưởng Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng;

Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng là Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp cấp I;

Các ủy viên, gồm thủ trưởng các cơ quan: Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng; Văn phòng Bộ Quốc phòng, Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị, Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu, Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp cổ phần hóa; Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch doanh nghiệp cổ phần hóa; Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp cổ phần hóa; Phòng Quản lý doanh nghiệp/Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng (Ủy viên thường trực), Chi cục Tài chính doanh nghiệp/Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng. Trường hợp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty thì thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa có đại diện của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Bộ Tài chính;

Trưởng ban Chỉ đạo thành lập Tổ công tác trung tâm giúp việc cho Ban Chỉ đạo.

b) Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II: Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty căn cứ điều kiện và tình hình thực tế tại doanh

nghiệp, thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II; trong đó, có đại diện Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, đại diện của cơ quan kinh tế, tài chính và cơ quan liên quan cấp trên doanh nghiệp.

Điều 4. Quyền hạn, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp cấp I có quyền hạn, trách nhiệm sau:

a) Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo và tổ chức thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng;

b) Quyết định thành lập Tổ giúp việc để triển khai công tác cổ phần hóa tại doanh nghiệp;

c) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai cổ phần hóa của doanh nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt;

d) Được sử dụng con dấu của Bộ Quốc phòng trong khi thực hiện nhiệm vụ;

đ) Căn cứ Quyết định cổ phần hóa của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, chỉ đạo doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện các nội dung sau:

- Chủ động thực hiện chuẩn bị hồ sơ, tài liệu pháp lý về tài sản, nguồn vốn, công nợ của doanh nghiệp (bao gồm cả nhà cửa, đất đai); phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch tiến độ cổ phần hóa (bao gồm cả mốc thời gian cho từng bước công việc; dự toán chi phí cổ phần hóa). Trường hợp không thực hiện được tiến độ cổ phần hóa do nguyên nhân chủ quan thì Người quản lý doanh nghiệp được xác định là không hoàn thành nhiệm vụ.

- Xử lý các vấn đề về tài chính, lao động, tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

- Xây dựng phương án sử dụng lao động.

- Xây dựng phương án cổ phần hóa và Điều lệ lần đầu của công ty cổ phần.

- Phối hợp với các tổ chức đấu giá bán cổ phần theo quy định.

- Xác định số tiền thu về từ cổ phần hóa phù hợp với hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp, lập báo cáo quyết toán (quyết toán tài chính thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa, chi phí giải quyết chế độ cho người lao động, chi phí ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn).

- Thực hiện công bố công khai kịp thời, đầy đủ quá trình cổ phần hóa theo quy định theo khoản 1 Điều 11 và Điều 46 Nghị định 126/2017/NĐ-CP; đồng thời đăng trên Cổng thông tin điện tử Ngành kinh tế quân đội (www.ckt.gov.vn).

e) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng lựa chọn phương thức bán cổ phần lần đầu;

g) Thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định: Lựa chọn tổ chức tư vấn, tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức bán đấu giá cổ phần; công bố giá trị doanh nghiệp; phê duyệt phương án sử dụng lao động; phê duyệt

phương án cổ phần hóa. Trường hợp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa;

h) Tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kết quả bán cổ phần;

i) Tổng hợp và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp; điều chỉnh phương án cổ phần hóa. Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa là Công ty mẹ - Tổng công ty báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định điều chỉnh phương án cổ phần hóa;

k) Thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt quyết toán tài chính; quyết toán chi phí cổ phần hóa; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

l) Tham gia về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại công ty cổ phần theo Quy chế công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

m) Giám sát việc bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần;

n) Tham dự và chỉ đạo Đại hội đồng cổ đông lần đầu của công ty cổ phần.

2. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Tổng công ty (Công ty) quyết định thành lập Ban Chỉ đạo để giúp Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty tổ chức triển khai công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp cấp II. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II có trách nhiệm, quyền hạn tương ứng tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Tổ giúp việc cổ phần hóa

1. Thành viên

a) Tổ trưởng: Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp cổ phần hóa;

b) Các tổ viên: Kiểm soát viên doanh nghiệp; Trưởng phòng Tài chính-Kế toán; Trưởng (hoặc Phó) một số phòng, ban của doanh nghiệp cổ phần hóa và một số thành viên thuộc các cơ quan nghiệp vụ của đơn vị cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp (nếu có).

2. Số lượng thành viên Tổ giúp việc do Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa quyết định.

Chương II

QUY TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XỬ LÝ

Điều 6. Quy trình cổ phần hóa

1. Quy trình cổ phần hóa doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quy trình xử lý đất quốc phòng tại các doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 30 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin

Doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện công khai, minh bạch thông tin theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, đồng thời đăng trên Cổng thông tin điện tử Ngành kinh tế quân đội (www.ckt.gov.vn); báo cáo Ban Chỉ đạo cổ phần hóa để theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo.

Điều 8. Công tác xử lý tài chính, đất đai, tài sản

1. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp thực hiện xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (trước khi tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 và Điều 20 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP; khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 7 Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (viết tắt là Thông tư số 41/2018/TT-BTC);

b) Đối với diện tích đất đang quản lý, sử dụng nằm trong quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng đất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định trước thời điểm quyết định cổ phần hóa và làm các thủ tục chuyển ra khỏi quy hoạch đất quốc phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và quy định của pháp luật.

Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, căn cứ phương án sử dụng đất được duyệt, doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng đất được giao theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng;

Việc kiểm kê, phân loại và xác định giá trị quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và Điều 30 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2. Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần

a) Doanh nghiệp thực hiện xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 41/2018/TT-BTC;

b) Thực hiện bàn giao, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ không đưa vào giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước;

c) Việc xử lý tài sản của doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa phải đảm bảo minh bạch, đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Trường hợp có tài sản thuộc trang bị quốc phòng thì báo cáo Bộ Tổng Tham mưu thu hồi 100% vũ khí, đạn và các trang bị đặc thù quân sự về cơ quan, đơn vị cấp trên của doanh nghiệp để quản lý. Đối với doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý thì thu hồi về các kho chiến lược của Bộ Quốc phòng khi có quyết định của Bộ Tổng Tham mưu;

d) Doanh nghiệp cổ phần hóa nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên thì được sử dụng một xe ô tô biển số quân sự để phục vụ chỉ huy; doanh nghiệp cổ phần hóa nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ không được sử dụng biển số xe quân sự kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Điều 9. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp

1. Việc xác định giá trị doanh nghiệp phải được áp dụng tối thiểu hai phương pháp, trong đó có phương pháp tài sản. Giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp được xác định và công bố không thấp hơn giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn nhà nước được xác định theo phương pháp tài sản.

2. Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp phải thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và hướng dẫn cụ thể tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 41/2018/TT-BTC; các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp khác phải đảm bảo tính khoa học, phản ánh thực chất giá trị doanh nghiệp và được quốc tế áp dụng rộng rãi, dễ hiểu dễ sử dụng trong tính toán.

3. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo các phương pháp đã lựa chọn phải là thời điểm kết thúc quý hoặc năm gần nhất với thời điểm có quyết định cổ phần hóa.

Điều 10. Kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa

1. Bộ Quốc phòng giao Kiểm toán Bộ Quốc phòng thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đối với các công ty độc lập.

2. Các doanh nghiệp không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Quản lý quân nhân và chính sách đối với người lao động

1. Quân nhân khi chuyển sang công ty cổ phần, căn cứ quy mô vốn nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ giữ lại không quá 05 quân nhân là Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Việc giải quyết chế độ chính sách đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng và người lao động thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2018/TT-BQP ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc sử dụng và thực hiện một số chế độ, chính sách đối với các đối tượng làm việc tại doanh nghiệp Quân đội thực hiện cổ phần hóa hoặc giải thể, phá sản; công ty cổ phần thoái vốn nhà nước và công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng quản lý (viết tắt Thông tư số 139/2018/TT-BQP) và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Cơ cấu vốn điều lệ

1. Doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ cổ phần (theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước được Thủ tướng Chính phủ công bố trong từng thời kỳ) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp không thuộc đối tượng tại khoản 1 của Điều này, căn cứ kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh và phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp đề xuất mức vốn điều lệ hợp lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án cổ phần hóa.

Điều 13. Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần

1. Thẩm quyền cử Người đại diện:

a) Việc cử Người đại diện theo ủy quyền tại công ty cổ phần thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định khác của Nhà nước và Quy chế công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Theo đề nghị của Đảng ủy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan cán bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định cử Người đại diện vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu theo quy định tại Quy chế công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

c) Hội đồng thành viên, Chủ tịch Tổng công ty (Công ty) quyết định cử Người đại diện tại các công ty cổ phần có vốn góp theo Quy chế công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam (sau khi có ý kiến của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và cơ quan cán bộ).

2. Số lượng Người đại diện:

a) Số lượng người đại diện được cử tối đa là 05 (năm) người đối với doanh nghiệp cổ phần hóa nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên và tối đa là 03 (ba) người đối với doanh nghiệp cổ phần hóa nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

Thành phần, cơ cấu Người đại diện tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp, đặc thù của từng doanh nghiệp có phần vốn nhà nước theo: Quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp; tỷ lệ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; ngành nghề kinh doanh và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; chiến lược và mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo định hướng của Nhà nước; các quy định khác của pháp luật;

b) Trường hợp cử từ 02 (hai) Người đại diện trở lên thì xác định cụ thể số cổ phần giao cho mỗi Người đại diện và giao cho một người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung (gọi tắt là Người đại diện phụ trách chung).

3. Tiêu chuẩn Người đại diện tại các công ty cổ phần phải đảm bảo theo quy định tại Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các quy định khác của Nhà nước và Bộ Quốc phòng có liên quan.

4. Nhiệm kỳ cử Người đại diện là 05 năm, hết nhiệm kỳ được xem xét cử lại, nhưng không quá 02 nhiệm kỳ làm đại diện tại một công ty cổ phần.

5. Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, các quy định khác của Nhà nước và Bộ Quốc phòng có liên quan.

Điều 14. Bàn giao giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần

1. Trong thời gian 90 ngày kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn thành các công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2. Việc bàn giao giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 41/2018/TT-BTC.

Điều 15. Tên gọi của công ty cổ phần và ban hành văn bản

1. Trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tên công ty cổ phần không được dùng các cụm từ “Quân đội”, “Bộ Quốc phòng”, “Quân sự”, “Quốc phòng” hoặc các cụm từ có liên quan; các cụm từ viết tắt của các cụm từ trên hoặc tên liên quan đến các cơ quan, đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp doanh nghiệp.

2. Trong các văn bản giao dịch của công ty cổ phần, nơi ghi tên đơn vị ban hành văn bản, không ghi tên đơn vị quân đội chủ quản cấp trên trực tiếp và gián tiếp.

3. Đối với quân nhân giữ chức danh quản lý trong công ty cổ phần, không ghi cấp bậc quân hàm trong các văn bản do doanh nghiệp phát hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì tham mưu cho Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác cổ phần hóa doanh nghiệp quân đội; chịu trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành cơ chế chính sách về cổ phần hóa doanh nghiệp quân đội; phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định phương án sử dụng đất quốc phòng, quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp và quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa. Hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa; kiểm tra, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, quyết định phương án sử dụng lao động, quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa (hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với Công ty mẹ - Tổng công ty), quyết định phê duyệt quyết toán tài chính và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức Đại hội đồng cổ đông, tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần.

2. Các cơ quan của Bộ Quốc phòng

a) Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

Hướng dẫn doanh nghiệp cổ phần hóa xử lý tài chính trước, trong và sau khi xác định giá trị doanh nghiệp, trong quá trình cổ phần hóa.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng thẩm tra hồ sơ giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và hồ sơ quyết toán cổ phần hóa; phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Bộ Quốc phòng kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi báo cáo Ban Chỉ đạo cổ phần hóa trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

b) Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu

Tham mưu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền quyết định giải thể đơn vị quân sự; điều chuyển nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; thành lập, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, giải thể các tổ chức đối với doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

Hướng dẫn và thu hồi 100% vũ khí, đạn và các trang bị đặc thù quân sự về cơ quan, đơn vị cấp trên của doanh nghiệp để quản lý.

Phối hợp với Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị hướng dẫn doanh nghiệp cổ phần hóa giải quyết chế độ chính sách cho người lao động thuộc diện quân lực quản lý khi chuyển sang công ty cổ phần; thẩm tra hồ sơ phương án sử dụng

lao động, giải quyết chế độ, chính sách quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng dôi dư, báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa.

c) Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị

Phối hợp với Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị hướng dẫn doanh nghiệp cổ phần hóa giải quyết chế độ chính sách cho người lao động thuộc diện cán bộ quản lý khi chuyển sang công ty cổ phần.

Chủ trì thẩm tra hồ sơ phương án sử dụng lao động, giải quyết chế độ, chính sách cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc diện cán bộ quản lý báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định cử người đại diện vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

d) Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn doanh nghiệp cổ phần hóa giải quyết chế độ chính sách cho người lao động khi chuyển sang công ty cổ phần; thẩm tra hồ sơ phương án sử dụng lao động, giải quyết chế độ, chính sách cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng dôi dư, báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

đ) Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng

Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng việc giám sát chấp hành pháp luật; phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định các quyết định, văn bản chỉ đạo điều hành của Bộ Quốc phòng trong quá trình thực hiện chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần.

e) Thanh tra Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Người đại diện vốn nhà nước tại công ty cổ phần do Bộ Quốc phòng là đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết vướng mắc, khiếu nại, tố cáo trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo quy định của pháp luật;

g) Kiểm toán Bộ Quốc phòng

Thực hiện kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này; kiểm toán chi phí cổ phần hóa, báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động, báo cáo quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa (khi được Thủ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ).

3. Các đơn vị có doanh nghiệp cổ phần hóa (đơn vị cấp trên doanh nghiệp)

a) Phối hợp với các cơ quan của Bộ Quốc phòng chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đúng pháp luật, đảm bảo tiến độ;

b) Quản lý và giải quyết chính sách cho quân nhân làm việc ở doanh nghiệp cổ phần hóa đúng quy định của Bộ Quốc phòng;

c) Đơn đốc doanh nghiệp thực hiện quyết toán tài chính; quyết toán chi phí cổ phần hóa; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước, báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng và Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng) phê duyệt và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

4. Người quản lý doanh nghiệp cổ phần hóa

Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Tổng công ty (Công ty), Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp cổ phần hóa chịu trách nhiệm lập và ký báo cáo tài chính, báo cáo xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, các báo cáo quyết toán tiền thu về từ cổ phần hóa, chi trả chế độ cho người lao động, chi phí cổ phần hóa và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo. Kiểm soát viên doanh nghiệp chịu trách nhiệm rà soát, xác nhận tính trung thực và chính xác của báo cáo.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần (mới) có trách nhiệm tạo điều kiện để lãnh đạo doanh nghiệp cổ phần hóa hoàn thành nhiệm vụ và ký, đóng dấu xác nhận chữ ký các chức danh quản lý của doanh nghiệp cổ phần hóa trong báo cáo tài chính và các quyết toán liên quan đến quá trình cổ phần hóa.

5. Tổng công ty, công ty mẹ có công ty cấp II cổ phần hóa

Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa các công ty cấp II và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện cổ phần hóa theo quy định Nghị định 126/2017/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 và thay thế Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần.

2. Các văn bản viện dẫn trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì nội dung viện dẫn cũng được điều chỉnh thực hiện theo văn bản mới.

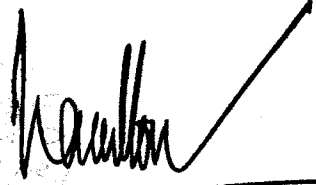
Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Hội đồng thành viên, chủ tịch công ty của các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Các đồng chí lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng;
- C56, C85, C17;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Cổng thông tin điện tử BQP;
- Lưu: VT, THBĐ. Dg

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Trần Đôn

Phụ lục I
QUY TRÌNH CHUYỂN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DO DOANH NGHIỆP
NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ 100% VỐN ĐIỀU LỆ THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG
THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2019 /TT-BQP
ngày 15 /10/2019 của Bộ Quốc phòng)*

Căn cứ quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần (ban hành kèm theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) và đặc thù về tổ chức và quản lý trong Quân đội, Bộ Quốc phòng quy định cụ thể quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần.

Bước 1: Xây dựng phương án cổ phần hoá

1. Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo

1.1. Bộ Quốc phòng:

Trên cơ sở đề nghị của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp quân đội (Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành:

- Quyết định cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng theo Đề án cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đối với Tổng công ty, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, công ty 100% vốn nhà nước.

Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quyết định thành lập Tổ công tác trung tâm Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc.

1.2. Đơn vị cấp trên doanh nghiệp cổ phần hoá:

- Cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo cổ phần hoá để Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

- Báo cáo danh sách thành viên Tổ giúp việc theo đề nghị của doanh nghiệp cổ phần hoá.

1.3. Doanh nghiệp cổ phần hoá:

Cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo cổ phần hóa; Báo cáo danh sách thành viên Tổ giúp việc.

1.4. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Tổng công ty (Công ty) quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa công ty cấp II; trong đó thành viên Ban Chỉ đạo có đại diện của Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc

phòng và đại diện đơn vị cấp trên doanh nghiệp (nếu có). Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh cấp II quyết định thành lập Tổ giúp việc.

2. Chuẩn bị hồ sơ tài liệu

2.1. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi có quyết định thành lập, Tổ giúp việc phối hợp với doanh nghiệp tiến hành xây dựng kế hoạch cổ phần hoá (theo các bước hướng dẫn tại phụ lục này) báo cáo Ban Chỉ đạo cổ phần hoá trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

2.2. Tổ giúp việc phối hợp với doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ các tài liệu sau:

- Các Hồ sơ pháp lý về thành lập doanh nghiệp.
- Các Hồ sơ pháp lý về tài sản của doanh nghiệp (bao gồm cả diện tích đất được giao hoặc thuê).
- Các Hồ sơ về nguồn vốn của doanh nghiệp.
- Hồ sơ về công nợ (đặc biệt là các khoản nợ tồn đọng, các khoản nợ đã xử lý theo chế độ trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp).
- Hồ sơ về tài sản không cần dùng, vật tư, hàng hoá ứ đọng, kém, mất phẩm chất (nếu có), tài sản hình thành từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Hồ sơ về các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang (kể cả các công trình đã có quyết định đình hoãn).
- Hồ sơ về các khoản vốn đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác như: góp vốn liên doanh, góp vốn cổ phần, góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn và các hình thức đầu tư dài hạn khác.
- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế của công ty đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp đang quản lý phù hợp với quy định pháp luật về đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trong từng thời kỳ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với diện tích đất nằm trong quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, doanh nghiệp đang được giao quản lý, sử dụng, doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng đất báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định (theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư này).
- Lập phương án sắp xếp lao động (danh sách lao động thường xuyên làm việc tại công ty đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, phân loại lao động theo các đối tượng: lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ (nếu có), lao động là công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng không xác định thời hạn, hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm; danh sách lao động dôi dư, danh sách lao động chuyển sang làm việc ở công ty cổ phần và

danh sách lao động chuyển sang làm việc ở công ty cổ phần cần phải đào tạo lại nghề), báo cáo Ban Chỉ đạo, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

- Lập dự toán chi phí cổ phần hóa, chi phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc theo chế độ quy định tại Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2.3. Lựa chọn phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cổ phần hóa phải thuê tổ chức tư vấn cổ phần hóa (bao gồm: tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, xác định giá khởi điểm, xây dựng phương án cổ phần hóa và bán cổ phần lần đầu) có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP. Việc xác định giá trị doanh nghiệp phải được thực hiện tối thiểu theo 02 phương pháp xác định khác nhau (trong đó phải thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản đồng thời lựa chọn thêm các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp thích hợp khác theo quy định), trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định; hình thức xác định giá trị doanh nghiệp được quy định như sau:

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định lựa chọn tổ chức tư vấn cổ phần hóa (hoặc đấu thầu lựa chọn) đối với cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng; giao cho doanh nghiệp ký kết hợp đồng thuê; trường hợp không đấu thầu, giao Ban Chỉ đạo thương thảo với tổ chức tư vấn về chi phí dịch vụ.

Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Tổng công ty (Công ty) quyết định và ký kết hợp đồng với tổ chức tư vấn cổ phần hóa (hoặc đấu thầu lựa chọn) để cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II.

3. Kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp

3.1. Doanh nghiệp cổ phần hoá:

a) Các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa (theo các đề án tổng thể của Bộ Quốc phòng về cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện của Bộ Quốc phòng, thực hiện rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (đối với đất được quy hoạch sử dụng vào mục đích quốc phòng) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với đất địa phương) xem xét, quyết định trước thời điểm quyết định cổ phần hóa.

b) Đối với các khoản nợ phải thu, phải trả, thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ, phân loại... thực hiện theo đúng quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định 126/2017/NĐ-CP trước khi xác định giá trị doanh nghiệp.

c) Khi nhận được quyết định cổ phần hoá của Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp tiến hành xử lý tài chính để thực hiện cổ phần hoá theo đúng các quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BTC. Tổ giúp việc, doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn tiến hành:

- Kiểm kê, phân loại tài sản và quyết toán tài chính, quyết toán thuế, phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý những vấn đề về tài chính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Xác định giá trị doanh nghiệp: theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 41/2018/TT-BTC. Thời gian thực hiện xử lý tài chính và tổ chức tư vấn định giá xác định giá trị doanh nghiệp (từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp phải đảm bảo không quá 12 tháng bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm toán Bộ Quốc phòng; đối với các doanh nghiệp phải thực hiện Kiểm toán nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thời gian không quá 15 tháng).

Trường hợp quá thời hạn trên chưa công bố được giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Bộ Quốc phòng quyết định điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để tổ chức xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định; đồng thời tiến hành kiểm điểm, xử lý trách nhiệm và bồi thường vật chất các chi phí phát sinh do các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kéo dài thời gian công bố giá trị doanh nghiệp.

3.2. Đơn vị cấp trên doanh nghiệp cổ phần hóa:

Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa rà soát, xây dựng phương án sử dụng đất quốc phòng, thẩm định báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định trước thời điểm quyết định cổ phần hóa; thực hiện đối chiếu, xử lý công nợ trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Đơn vị cử cán bộ cùng tham gia với doanh nghiệp khi xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BTC và quy định tại Thông tư này.

4. Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp

a) Đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi phải thực hiện Kiểm toán Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa gửi hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do doanh nghiệp và tổ chức tư vấn định giá lập, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao Kiểm toán Bộ Quốc phòng thực hiện kiểm toán.

Sau khi có kết quả kiểm toán của Kiểm toán Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá (Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Kinh tế/

Bộ Quốc phòng) thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp (đã được điều chỉnh theo kết quả kiểm toán), báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định giá trị doanh nghiệp và báo cáo Bộ Tài chính.

b) Đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi thực hiện Kiểm toán Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gửi văn bản và hồ sơ đề nghị Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính trước khi công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

5. Xây dựng phương án sử dụng lao động

Căn cứ vào thực trạng lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa, phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 3 đến 5 năm tiếp theo, lập danh sách lao động để giải quyết chính sách tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, phương án sử dụng lao động thông qua hội nghị người lao động bất thường, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt trước khi cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa. Dự kiến thời điểm giải quyết chế độ, chính sách cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng dôi dư trong khoảng thời gian từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa đến thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và dự kiến chế độ cho các đối tượng.

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền, rà soát lại danh sách lao động, xác định thời điểm phục viên, thôi việc đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng dôi dư trong khoảng thời gian từ ngày tổ chức bán cổ phần lần đầu đến thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu và tính toán lại chế độ đối với người lao động (nếu có); hoàn thiện lại các danh sách lao động; công khai các danh sách lao động và các mẫu biểu tính chế độ đối sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng dôi dư để người lao động kiểm tra, đối chiếu.

Chế độ chính sách đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và người lao động thực hiện theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Trường hợp cổ phần hóa Tổng công ty, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp với từng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ đầu tư 100% vốn điều lệ xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định, trong đó người lao động thuộc danh sách lao động của doanh nghiệp nào được đưa vào phương

án sử dụng lao động của doanh nghiệp đó. Phương án sử dụng lao động của doanh nghiệp cấp I và doanh nghiệp cấp II do doanh nghiệp cấp I tổng hợp trong phương án cổ phần hóa.

6. Hoàn tất phương án cổ phần hóa

6.1. Xây dựng phương án cổ phần hoá.

Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và tình hình thực tế của doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp xây dựng phương án cổ phần hóa. Phương án cổ phần hoá bao gồm các nội dung chính sau:

a) Giới thiệu về công ty, trong đó mô tả khái quát về quá trình thành lập công ty và mô hình tổ chức của công ty; tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 5 năm liền kề trước khi cổ phần hoá.

b) Đánh giá thực trạng của công ty ở thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, bao gồm:

- Thực trạng về tài sản (bao gồm cả diện tích đất quốc phòng được giao hoặc đất thuê; tình hình sử dụng vũ khí trang bị quân sự).

- Thực trạng về tài chính, công nợ.

- Thực trạng về lao động.

- Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.

c) Phương án sắp xếp lại lao động.

d) Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 đến 5 năm tiếp theo, trong đó nêu rõ:

- Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển thành công ty cổ phần: sắp xếp lại các bộ phận trong doanh nghiệp, đổi mới ngành nghề kinh doanh; đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo về sản phẩm, sản lượng, thị trường, lợi nhuận ... và các giải pháp về vốn, nguyên liệu, tổ chức sản xuất, lao động tiền lương, ...

- Phương án sử dụng đất (đất quốc phòng, đất khác) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kế hoạch nộp trả vũ khí, bàn giao trang bị quân sự về đơn vị cấp trên.

đ) Phương án cổ phần hoá:

- Hình thức cổ phần hoá và vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần.

- Dự kiến cơ cấu vốn điều lệ: số cổ phần nhà nước nắm giữ, số cổ phần bán cho các nhà đầu tư chiến lược (kèm theo danh sách), số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động (kèm theo danh sách đăng ký mua cổ phần của người lao động), số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn trong doanh nghiệp và số cổ phần dự kiến bán cho các nhà đầu tư khác.

- Phương thức phát hành cổ phiếu theo quy định (đấu giá công khai thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa có khối lượng cổ phần bán ra có tổng mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể xem xét quyết định tổ chức đấu giá tại công ty chứng khoán hoặc trung tâm dịch vụ theo quy định).

- Việc niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.

e) Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

6.2. Hoàn thiện phương án cổ phần hoá

a) Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổ giúp việc cùng với doanh nghiệp dự thảo phương án sử dụng lao động, phương án cổ phần hoá và gửi tới từng bộ phận trong công ty để nghiên cứu và chuẩn bị ý kiến trước khi tổ chức Hội nghị công nhân viên chức (bắt thường).

b) Tổ chức Hội nghị người lao động (bắt thường) để lấy ý kiến hoàn thiện phương án sử dụng lao động, phương án cổ phần hoá. Đối với doanh nghiệp có các chi nhánh, văn phòng đại diện có số lao động lớn hoặc địa bàn hoạt động phân tán không thể tổ chức hội nghị người lao động (bắt thường) ở các chi nhánh, văn phòng đại diện có thể lấy ý kiến bằng văn bản để hoàn thiện phương án sử dụng lao động, phương án cổ phần hoá.

c) Sau Hội nghị người lao động (bắt thường), Tổ giúp việc, doanh nghiệp hoàn thiện phương án sử dụng lao động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi Phương án sử dụng lao động được phê duyệt, tiếp tục hoàn chỉnh phương án cổ phần hoá và báo cáo cấp trên để gửi Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6.3. Phê duyệt phương án cổ phần hoá.

6.3.1. Đơn vị cấp trên doanh nghiệp cổ phần hóa:

a) Hướng dẫn và kiểm tra danh sách lao động của doanh nghiệp để xác định số lượng cổ phần được ưu đãi giảm giá.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp giải quyết chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

c) Kiểm tra phương án sử dụng lao động, phương án cổ phần hoá, phương án giải quyết chính sách đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng dôi dư của doanh nghiệp và gửi Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cổ phần hóa để trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

6.3.2. Bộ Quốc phòng:

a) Đối với Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng phê duyệt: Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng phối hợp với các cơ quan, giúp Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thẩm định phương án cổ phần hoá và báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

b) Đối với Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng giúp Ban Chỉ đạo cổ phần hóa chủ trì lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan thẩm định phương án cổ phần hoá và báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bước 2: Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa

Căn cứ phương án cổ phần hoá được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp cổ phần hoá ký hợp đồng bán cổ phần với đơn vị tổ chức bán cổ phần và triển khai phương án bán cổ phần lần đầu theo các phương thức được quy định tại Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển thành công ty cổ phần và quy định của Bộ Quốc phòng.

Trước khi bán cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hoá phải mở một tài khoản riêng biệt tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận số tiền thu từ cổ phần hoá.

Việc tổ chức đấu giá công khai thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa có khối lượng cổ phần bán ra có mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định tổ chức đấu giá tại các công ty chứng khoán hoặc trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Bước 3: Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần

1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và đăng ký doanh nghiệp

Trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập, doanh nghiệp cổ phần hoá phải báo cáo với đơn vị cấp trên trực tiếp, báo cáo Ban Chỉ đạo về nội dung các văn bản: Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần; Danh sách cổ đông mua cổ phần

và danh sách cổ đông dự Đại hội; Quy chế bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để cấp trên kiểm tra.

a) Ban Chỉ đạo hướng dẫn doanh nghiệp triển khai Đại hội đồng cổ đông thành lập

- Thành phần Đại hội gồm: Các cổ đông và đại diện cổ đông, đại diện Ban Chỉ đạo cổ phần hoá và đại biểu của các đơn vị cấp trên.

- Nội dung Đại hội: Báo cáo quá trình và kết quả cổ phần hoá của doanh nghiệp; giới thiệu dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần, thảo luận và thông qua Điều lệ; bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần; giới thiệu dự thảo Phương án sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần, thảo luận và thông qua phương án.

- Để phòng ngừa những sai sót, tránh những sơ suất dẫn đến vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đơn vị phải kiểm tra dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần; danh sách cổ đông mua cổ phần và danh sách cổ đông dự Đại hội; quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

b) Doanh nghiệp cổ phần hoá

Chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thành lập như sau:

- Chuẩn bị bản báo cáo tóm tắt quá trình thực hiện cổ phần hoá.

- Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và bản báo cáo tóm lược Điều lệ.

- Dự thảo Phương án kinh doanh của công ty cổ phần và bản báo cáo tóm lược Phương án kinh doanh.

- Chuẩn bị nội dung để Đại hội thảo luận về Điều lệ và Phương án sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần (chỉ thảo luận những nội dung mà pháp luật chưa có quy định).

- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thành lập.

- Biên bản phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có); Tổng giám đốc (Giám đốc) và Trưởng ban kiểm soát.

- Cử cán bộ tham gia Ban tổ chức Đại hội: Ban tổ chức do Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp chỉ định và phân công. Nhiệm vụ của Ban tổ chức Đại hội:

+ Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

+ Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần và danh sách cổ đông có mặt dự đại hội: Họ tên và vốn góp.

+ Bản báo cáo cơ cấu cổ đông và số cổ đông có mặt dự Đại hội: Tổng số cổ đông và tổng số vốn góp.

+ Bản báo cáo chương trình nghị sự; dự kiến danh sách Đoàn chủ tọa căn cứ theo số lượng cổ đông dự Đại hội (từ 3 đến 5 người bao gồm những người am hiểu về Luật doanh nghiệp, Điều lệ và phương án kinh doanh của công ty) đoàn thư ký (2 người).

+ Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

+ Danh sách ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: Trước khi tiến hành Đại hội phải niêm yết công khai tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và giới hạn thời gian để các cổ đông đối chiếu tự ứng cử (bằng văn bản) vào các chức danh thích hợp.

+ Danh sách dự kiến Ban kiểm phiếu: bao gồm những người có kinh nghiệm, kết quả phiếu bầu được tính theo số cổ phần.

+ Phiếu biểu quyết: mỗi đại biểu có một phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần được quyền biểu quyết.

+ Phiếu bầu Hội đồng quản trị và phiếu bầu Ban Kiểm soát.

+ Biên bản bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

+ Bộ hồ sơ tài liệu cho khách mời và các cổ đông (bao gồm bản dự thảo Điều lệ, báo cáo tóm lược Điều lệ, dự thảo phương án kinh doanh, báo cáo tóm lược phương án kinh doanh).

+ Xây dựng chương trình đại hội.

2. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

a) Tổ chức đại hội đồng cổ đông theo chương trình đã chuẩn bị.

b) Ngay sau khi kết thúc Đại hội, Trưởng ban Tổ chức Đại hội triệu tập và chủ trì buổi họp đầu tiên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát.

3. Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập, Hội đồng quản trị công ty cổ phần chỉ đạo thực hiện việc đăng ký Doanh nghiệp, khắc dấu của công ty cổ phần và nộp con dấu của doanh nghiệp nhà nước về Bộ Quốc phòng.

4. Tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, doanh nghiệp thực hiện các nội dung:

- Lập báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán thuế. Báo cáo Ban Chỉ đạo cổ phần hoá (Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng) để thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt quyết toán tài chính; quyết toán chi phí cổ phần hoá; quyết toán kinh phí hỗ trợ

cho người lao động dôi dư; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hoá và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Nộp tiền thu từ cổ phần hoá theo quy định.

- Tiến hành bàn giao các khoản xử lý nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định tại Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

5. Tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và Công ty cổ phần:

Ban Chỉ đạo cổ phần hoá chỉ đạo và hướng dẫn doanh nghiệp triển khai tổ chức bàn giao tài sản, tiền vốn, lao động được tổ chức sau khi hoàn thành quyết toán tài chính và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

a) Nội dung bàn giao theo mẫu Biên bản bàn giao (Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo). Ban Chỉ đạo hướng dẫn cho các doanh nghiệp cổ phần hoá thực hiện.

- Báo cáo tài chính và quyết toán thuế đến tháng gần nhất với thời điểm đăng ký kinh doanh;

- Báo cáo quyết toán chi phí cổ phần hoá, chính sách ưu đãi cho người lao động, kinh phí trợ cấp lao động dôi dư.

Biên bản bàn giao phải có đầy đủ chữ ký của đại diện công ty nhà nước (gồm Giám đốc, Kế toán trưởng), đại diện công ty cổ phần (Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng), đại diện của tổ chức công đoàn công ty, đại diện cơ quan cấp trên chủ quản công ty nhà nước và đại diện các cơ quan giám sát bàn giao.

b) Chủ trì bàn giao là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp đối với cổ phần hoá doanh nghiệp trực thuộc đơn vị.

c) Chứng kiến và giám sát bàn giao: Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng.

6. Đăng ký giao dịch và niêm yết: thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP

Trong quá trình thực hiện, để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá chỉ đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp có thể tiến hành đồng thời nhiều bước cùng một lúc./.

Phụ lục II
QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐẤT QUỐC PHÒNG TẠI DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI
THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA

*(Kèm theo Thông tư số 155 /2019/TT-BQP ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ Quốc phòng)*

Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Tổ công tác xử lý đất quốc phòng tại các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa (sau đây gọi là Tổ công tác) để triển khai các bước công việc sau:

Bước 1. Xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. Cấp ủy, chỉ huy đơn vị, doanh nghiệp:

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai rà soát đất quốc phòng.
- Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan đến Hồ sơ pháp lý về nguồn gốc nhà, đất.
- Chịu trách nhiệm rà soát và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

2. Thẩm định phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các đơn vị, doanh nghiệp; tổ chức kiểm tra hiện trạng (nếu cần), đề xuất:

- Giữ lại, điều chuyển vị trí, diện tích đất cần thiết để tiếp tục sử dụng cho nhiệm vụ quân sự quốc phòng.

- Vị trí, diện tích đất không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng sẽ thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, bàn giao đất cho chính quyền địa phương quản lý để cổ phần hóa doanh nghiệp và bán đấu giá tạo nguồn thu ngân sách nhà nước để bảo đảm cho một số nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

3. Tổng hợp kết quả xây dựng phương án sắp xếp lại, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

Bước 2: Lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

1. Chuẩn bị văn bản báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, gửi xin ý kiến địa phương (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang sử dụng) để xem xét phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2. Tổng hợp ý kiến các địa phương báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, gửi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (bao gồm cả phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp) xin ý kiến Bộ Tài chính.

3. Hoàn thiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt và tổng hợp chung vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tổng thể của Bộ Quốc phòng.

Bước 3: Triển khai phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

1. Sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang sử dụng); báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định phương án sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2. Căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bộ Quốc phòng phối hợp với UBND cấp tỉnh hoàn thiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện các thủ tục để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

3. Quá trình thực hiện các doanh nghiệp cổ phần hóa vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm với Bộ Quốc phòng theo cơ chế hiện hành đến khi có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật đất đai năm 2013.

Trong quá trình thực hiện, Tổ công tác và doanh nghiệp có thể tiến hành đồng thời nhiều bước để đẩy nhanh tiến độ xử lý đất quốc phòng tại các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa./.

Phụ lục III
MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2019 /TT-BQP ngày 15/10/2019
của Bộ Quốc phòng)

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
V/v bàn giao Công ty TNHH MTV ...
sang Công ty Cổ phần...
(Tại thời điểm ngày....tháng....năm.....)

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BLDTBXH ngày 01/8/2018 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số /2019/TT-BQP ngày /10/2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số.....của.....về cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên...;

I. VỀ TÀI SẢN

1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn:

1.1 Tài sản cố định

a) TSCĐ hữu hình.

- Nguyên giá:
- Giá trị hao mòn lũy kế:
- Giá trị còn lại:

b) TSCĐ thuê tài chính:

- Nguyên giá :
- Giá trị hao mòn lũy kế:
- Giá trị còn lại:

c) TSCĐ vô hình

- Nguyên giá:
- Giá trị hao mòn lũy kế:
- Giá trị còn lại:

1.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Đầu tư chứng khoán dài hạn:
- Góp vốn liên doanh:
- Các khoản đầu tư dài hạn khác:
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

1.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

1.4. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn:

2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn:

2.1. Tiền:

- Tiền mặt tại quỹ:
- Tiền gửi Ngân hàng:
- Tiền đang chuyển:

2.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn:
- Đầu tư ngắn hạn khác:
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:

2.3. Các khoản phải thu:

- Phải thu của khách hàng:
- Trả trước cho người bán:
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ:
- Phải thu nội bộ:
- Các khoản phải thu khác:
- Dự phòng phải thu các khoản khó đòi:

2.4. Hàng tồn kho:

- Hàng mua đang đi trên đường:
- Nguyên vật liệu tồn kho:
- Công cụ dụng cụ trong kho:
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:
- Thành phẩm tồn kho:
- Hàng gửi đi bán:
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

2.5. Tài sản lưu động khác:

- Tạm ứng:
- Chi phí trả trước:
- Chi phí chờ kết chuyển:
- Tài sản thiếu chờ xử lý:
- Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn:

2.6. Chi sự nghiệp:

- Chi sự nghiệp năm trước:
- Chi sự nghiệp năm nay:

II. VỀ NGUỒN VỐN

1. Nguồn vốn chủ sở hữu:

1.1. Nguồn vốn, quỹ:

- Nguồn vốn góp của cổ đông:
- Nguồn vốn góp của nhà nước:
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản:
- Chênh lệch tỷ giá:

- Quỹ đầu tư phát triển:
 - Quỹ dự phòng tài chính:
 - Lợi nhuận chưa phân phối:
- 1.2. Nguồn kinh phí quỹ khác:
- Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm:
 - Quỹ khen thưởng và phúc lợi:
 - Nguồn kinh phí sự nghiệp:

2. Nợ phải trả:

2.1. Nợ ngắn hạn:

- Vay ngắn hạn:
- Nợ dài hạn đến hạn trả:
- Phải trả cho người bán:
- Người mua trả tiền trước:
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:
- Phải trả người lao động:
- Phải trả nội bộ:
- Các khoản phải trả phải nộp khác:

2.2. Nợ dài hạn:

- Vay dài hạn:
- Nợ dài hạn khác:

2.3. Nợ khác:

- Chi phí phải trả:
- Tài sản thừa chờ xử lý:
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

Các phụ lục tại thời điểm Công ty cổ phần có giấy đăng ký doanh nghiệp lần đầu:

- Phụ lục I: Chi tiết số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng;
- Phụ lục II: Chi tiết công nợ phải thu;
- Phụ lục III: Chi tiết Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn;
- Phụ lục IV: Chi tiết tài sản cố định;
- Phụ lục V: Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang;
- Phụ lục VI: Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn;

- Phụ lục VII: Chi tiết nợ phải trả.

Bên bàn giao và bên nhận bàn giao thống nhất bàn giao số liệu trên và xử lý như sau:

- Công ty TNHH một thành viên..... sau 05 (năm) ngày phải hoàn tất hồ sơ kế toán, các văn bản có liên quan và bàn giao lại cho Công ty cổ phần.....

- Công ty cổ phần.... có trách nhiệm theo dõi các khoản nợ của Công ty để tiếp tục thu hồi. Công ty cổ phần ... có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn khi đến hạn phải trả.

Mục 2

BÀN GIAO VỀ LAO ĐỘNG

I. SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG CHUYỂN SANG LÀM VIỆC Ở CÔNG TY CỔ PHẦN:

1. Tổng số: (Nam: Nữ:)

2. Trong đó:

a) Lao động là quân nhân:

- Sĩ quan:

- Quân nhân chuyên nghiệp:

b) Lao động không là quân nhân:

- Lao động là biên chế cũ:

- Lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn:

- Lao động có hợp đồng lao động xác định thời hạn:

II. CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG:

- Có trình độ trên đại học: người.

- Có trình độ đại học, cao đẳng:

- Có trình độ trung cấp và trung học chuyên nghiệp: người.

- Công nhân có trình độ kỹ thuật bậc cao (bậc 5,6,7):

- Có trình độ sơ cấp: người.

- Lao động phổ thông: người.

III. HỒ SƠ, LÝ LỊCH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:

1. Sổ Bảo hiểm xã hội:

a) Số người đã được cấp sổ:

- Quân nhân:

- Lao động là biên chế cũ:
- Lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn:
- Lao động có hợp đồng lao động xác định thời hạn:

b) Số người chưa được cấp sổ:

- Quân nhân:
- Lao động là biên chế cũ:
- Lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn:
- Lao động có hợp đồng lao động xác định thời hạn:

Lý do chưa được cấp sổ:

c) Kinh phí Bảo hiểm xã hội đã nộp theo chế độ quy định hết quý:

2. Sổ Lao động: Sổ lao động chỉ cấp cho người Lao động không là quân nhân.

a) Số người đã được cấp sổ:

- Lao động là biên chế cũ:
- Lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn:
- Lao động có hợp đồng lao động xác định thời hạn:

b) Số người chưa được cấp sổ:

- Lao động là biên chế cũ:
- Lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn:
- Lao động có hợp đồng lao động xác định thời hạn:

Lý do chưa được cấp sổ:

3. Hồ sơ lý lịch của người Lao động:

- Số người có hồ sơ:
- Số người không có hồ sơ:

Lý do không có hồ sơ:

- *Phụ lục VIII: Chi tiết danh sách lao động*

Trách nhiệm của Công ty cổ phần:

Kể từ ngày.....tháng.....năm..... Công ty cổ phần..... có trách nhiệm tiếp tục thực hiện mọi quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong danh sách đã được bàn giao này.

Mục 3

BÀN GIAO VỀ ĐẤT VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

(nếu có)

Hội nghị bàn giao tài sản tiền vốn, lao động giữa Công ty TNHH một thành viên và Công ty cổ phầnkết thúc vào hồi....giờ cùng ngày. Biên bản này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau và được gửi đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định./.

CHỦ TRÌ BÀN GIAO

BÊN BÀN GIAO
TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

BÊN NHẬN BÀN GIAO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

CỤC KINH TẾ/BQP

CỤC TÀI CHÍNH/BQP